TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-PT

Ngày 14- 01-2022

Vv Tranh chấp thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Thạo;

- Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Minh Hiền; ông Đặng Văn Quyết.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương Hiền, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Lương Thất Tùng, kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc công khai vụ án dân sự thụ lý số 148/DSPT ngày 10/11/2021 về tranh chấp di sản thừa kế;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2021/QĐ- PT ngày 20/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đình Th, sinh năm 1969 (có mặt);

- Bị đơn: Ông Vũ Đình C, sinh năm 1958 (có mặt);

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Vũ Thị Kh, sinh năm 1953 (có mặt);
2. Ông Vũ Đình T, sinh năm 1960 (có mặt);
3. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1966 (có mặt);
4. Bà Vũ Thị S, sinh năm 1973 (có mặt);
5. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1975 (vắng mặt);
6. Bà Thân Thị O, sinh năm 1968 (vắng mặt);
7. Chị Thị Mai L, sinh năm 1990 (vắng mặt);

8. Anh Vũ Đình V, sinh năm 1992 (vắng mặt);

9. Anh Vũ Đình Th1, sinh năm 1996 (vắng mặt);

(Chị O, chị L, anh V, anh Th1 đều ủy quyền cho ông Vũ Đình Th đại diện).

Các dương sự đều cùng địa chỉ cư trú: Thôn CT TT, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông Vũ Đình Th trình bày: Bố mẹ đẻ ông là cụ Vũ Đình K, Nguyễn Thị N sinh được 07 người con gồm: Vũ Thị Kh, Vũ Đình C, Vũ Đình T, Vũ Thị L, Vũ Đình Th, Vũ Thị S, Vũ Thị N. Ngoài ra hai cụ không có con riêng hay con nuôi nào khác. Khi còn sống cụ K và cụ N có 899m^2 đất thổ cư, 4363m^2 đất canh tác nông nghiệp 2 lúa. Ngày 20 tháng 8 năm 1993, UBND huyện LG cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 197895 trong đó 300m^2 đất ở, 599m^2 đất vườn và 4363m^2 đất canh tác nông nghiệp tại xã TH, huyện LG mang tên cụ Vũ Đình K.

Ngày 31/5/2003 cụ N chết nhưng không để lại di chúc, ngày 10/12/2004 cụ Kchết không để lại di chúc. Ông Thxác định di sản của cụ Kvà cụ N để lại là một phần quyền sử dụng đất của hộ gia đình cụ Ktrong tổng 5.262m^2 đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0197895, do UBND huyện LG cấp ngày 20/8/1993 mang tên cụ Vũ Đình K. Ông Th khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế di sản của cụ K và cụ N theo quy định của pháp luật.

Ông Vũ Đình C trình bày: Ông xác nhận về thời điểm chết của cụ K, cụ N và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của 2 cụ như Ông Thtrình bày là đúng, đồng thời ông cũng xác nhận cụ Kvà cụ N chết không để lại di chúc.

Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Thăm, yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ K, cụ N là phần quyền sử dụng đất trong diện tích 300m^2 đất ở, 599m^2 đất vườn và định xuất ruộng canh tác theo pháp luật, ông đề nghị được nhận kỷ phần thừa kế bằng diện tích đất ở, đất vườn, đất canh tác.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Vũ Thị Kh, Vũ Đình T, Vũ Thị L, Vũ Thị S, Vũ Thị N đều thông nhất trình bày: Xác nhận về thời gian chết của cụ K, cụ N, xác nhận những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của 2 cụ là đúng. Cụ K, cụ N chết không để lại di chúc, di sản của 2 cụ để lại là phần quyền sử dụng đất trong tổng số đất ở, đất vườn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vũ Đình K, định xuất ruộng canh tác của mỗi cụ là 1 sào 2 thước.

Ông Th khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cụ K, cụ N, tất cả mọi người đều đồng ý, phần di sản được hưởng mọi người nhường lại cho Ông Th được hưởng.

Ngày 22/7/2021, Hội đồng định giá tài sản của UBND huyện Lạng Giang đã định giá tài sản như sau:

+ Đất ở tại tại thửa 130, tờ bản đồ 26, thôn Cây Táo Tân Thành, xã TH, huyện LGcó giá trị 5.000.000đ/m^2 = 500.000.000đồng.

+ Đất vườn tại thửa tại thửa 130, tờ bản đồ 26, thôn Cây Táo Tân Thành, xã TH, huyện LG có giá trị 42.000đồng x 200m^2 = 8.400.000đồng.

+ Đất ruộng canh tác là 2 sào 4 thước = 816m^2 (có giá 300.000đồng/m^2) = 244.800.000đồng.

Tổng giá trị di sản của cụ K, cụ N để lại là: 500.000.000đồng + 8.400.000đồng + 244.800.000đồng = 753.200.000đồng.

Với nội dung vụ án như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 623, 650, 651, khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Đình Th về việc chia di sản thừa kế của cụ Vũ Đình K và Nguyễn Thị N theo pháp luật.

- Xác định những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Vũ Đình K và cụ Nguyễn Thị Ngồm có: Vũ Thị Kh, Vũ Đình C, Vũ Đình T, Vũ Thị L, Vũ Đình Th, Vũ Thị S, Vũ Thị N.

- Xác định di sản thừa kế của cụ Vũ Đình K, Nguyễn Thị Ngồm: 100m^2 đất ở và 200m^2 đất vườn tại thửa 130, tờ bản đồ số 26, thôn TT CT, xã TH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang và 816m^2 đất ruộng canh tác. Di sản thừa kế có tổng giá trị là 753.200.000đồng.

Di sản thừa kế của cụ Vũ Đình K, cụ Nguyễn Thị N chia đều làm 7 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần trị giá 107.600.000đồng.

- Giao cho ông Vũ Đình Th được quyền sử toàn bộ 899m^2 đất ở, đất vườn tại thửa 130, tờ bản đồ số 26, thôn TT CT, xã TH, huyện LG, tỉnh Bắc Giang và 816m^2 đất ruộng canh tác theo định xuất của cụ Vũ Đình K, cụ Nguyễn Thị N

(được UBND huyện Lạng Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0197895, ngày 20/8/1993 mang tên ông Vũ Đình K). Ông Vũ Đình Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Vũ Đình C giá trị kỷ phần thừa kế là 107.600.000đồng.

- Ông Vũ Đình C được nhận số tiền 107.600.000đồng của ông Vũ Đình Th thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế mà ông được hưởng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Ông Vũ Đình Th có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 899m^2 đất ở, đất vườn tại thửa 130, tờ bản đồ số 26, thôn TT CT, xã TH, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 27/9/2021, ông Vũ Đình C kháng cáo:

Nội dung kháng cáo: Ông không đồng ý nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chia kỷ phần thừa kế cho ông được nhận bằng quyền sử dụng đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vũ Đình Th không thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu khởi kiện, ông Vũ Đình C không thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau vè việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Ông Vũ Đình C trình bày: Bản án sơ thẩm chia thừa kế tài sản của cụ N, cụ Ktheo quy định của pháp luật ông đồng ý, tuy nhiên di sản hai cụ để lại là quyền sử dụng đất, Toà án sơ thẩm chia cho ông được hưởng bằng tiền ông không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chia cho ông được hưởng kỷ phần thừa kế bằng quyền sử dụng đất.

Ông Vũ Đình Th trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Vũ Đình C, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện LG.

Bà Vũ Thị Kh, ông Vũ Đình T, bà Vũ Thị L, bà Vũ Thị S đều thông nhất trình bày: Không đồng ý với nội dung kháng cáo của ông Vũ Đình C, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến theo quy định tại Điều 306 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thư ký phiên tòa đã phổ biến nội quy phiên tòa; kiểm tra sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án và thực hiện các công việc khác đúng quy định tại Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình C.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông Vũ Đình C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận các nội dung sau: Cụ N chết ngày 31/5/2003, cụ Kchết ngày 10/12/2004 đều không để lại di chúc, di sản của cụ N, cụ Kchưa được chia; hàng thừa kế thứ nhất của cụ N, cụ Kcó 07 người con là các ông bà: Vũ Thị Kh, Vũ Đình C, Vũ Đình T, Vũ Thị L, Vũ Đình Th, Vũ Thị S, Vũ Thị N. Ngoài ra, 2 cụ không có con nuôi hoặc con riêng nào khác. Do đó những người được hưởng di sản thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm 7 người. Di sản 2 cụ để lại là một phần quyền sử dụng đất tại xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, trong diện tích 300m^2 đất ở, 599m^2 đất vườn, định xuất ruộng canh tác mỗi cụ được 1 sào 2 thước (2 cụ = 2 sào 4 thước = 816m^2) đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1993, mang tên cụ K. Các đương sự

đồng ý chia di sản thừa kế của cụ K, cụ N theo quy định của pháp luật. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của ông Vũ Đình C, Hội đồng xét xử thấy:

Theo xác minh tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạng Giang thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/8/1993 mang tên ông Vũ Đình K là cấp cho hộ gia đình. Do vậy các thành viên trong hộ gia đình tại thời điểm cấp có quyền sử dụng đất như nhau.

Qua xác minh tại Công an xã TH, theo sổ hộ khẩu NK3, tập 37, số 34, thì thấy năm 1993 hộ ông Vũ Đình K bao gồm 6 nhân khẩu là cụ K, cụ N, ông Th, bà O, bà S, bà N. Do những người trong hộ gia đình đều có quyền sử dụng đất như nhau trong tổng số 899m^2 đất ở, đất vườn nên cụ K, cụ N có 2/6 diện tích đất ở, đất vườn nêu trên.

Như vậy xác định di sản của cụ K, cụ N gồm có:

+ Đất ở = (300 : 6) x 2 = 100m^2 x 5.000.000đồng/m^2 = 500.000.000đồng;

+ Đất vườn = (599 : 6) x 2 = 200m^2 x 42.000đồng x 200m^2 = 8.400.000đồng;

+ Đất ruộng canh tác 816m^2 x 300.000đồng/m^2 = 244.800.000đồng;

Tổng giá trị di sản của cụ K, cụ N = 753.200.000đồng : 7 = 107.600.000 đồng/01 kỷ phần. Nếu chia bằng hiện vật thì: Đất ở: 100: 7 = 14,28m^2/01 kỷ phần; đất vườn: 200:7 = 28,57m^2/01 kỷ phần, tổng cộng mỗi kỷ phần được chia 42,85m^2 đất.

Đối với diện tích đất nông nghiệp là di sản của cụ Kvà cụ N diện tích 816m^2: 7= 116,57m^2/01 kỷ phần.

Theo quy định tại Điều 6, Điều 7 của Quyết định số 40/2021/QĐ – UBND ngày 20/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang quy định diện tích tối thiểu được tách thửa đối với thửa đất ở thộc khu vực nông thôn phải có diện tích tối thiểu 70m^2 trở lên, đối với đất trồng cây hàng năm diện tích tối thiểu của thửa đất còn lại và thửa đất mới sau khi tách thửa là 500m^2. Như vậy: Nếu chia di sản của cụ N, cụ K cho các đồng thừa kế bằng diện tích đất thì diện tích mỗi người thừa kế được chia là quá nhỏ không đủ diện tích để tách thửa và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hiện nay ông Th và gia đình đang sinh sống trên diện tích đất trên và có nhu cầu được nhận đất, hoàn lại bằng tiền cho các đồng thừa kế khác. Bản án sơ thẩm giao cho ông Th được quản lý, sử dụng toàn bộ 899m^2 đất ở, đất vườn tại thửa 130,

tờ bản đồ số 26 và 816m^2 đất ruộng canh tác theo định xuất của cụ K, cụ N, ông Th phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông C và các đồng thừa kế khác giá trị kỷ phần thừa kế bằng tiền 107.600.000đồng là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 660 Bộ luật dân sự. Tuy nhiên các đồng thừa kế là bà Kh, ông T, ông L, bà S, bà N nhường cho ông Th kỷ phần của mình được hưởng nên ông Th được hưởng kỷ phần thừa kế của những người nêu trên là có căn cứ.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Đình C là người cao tuổi, tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm cho ông C nhưng ông C không yêu cầu miễn án phí. Vì vậy ông C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy: Không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Đình C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang.

Vĩ các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 294, Điều 296, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Đình C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 41/2021/DS-ST ngày 17/9/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vũ Đình C phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng ông C đã nộp ghi tại biên lai số 0012393 ngày 7/9/2021 do Chi cục Thi hành án huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang thu. Xác nhận: Ông C đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Tòa án ND huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Thạo